

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN KẾ TOÁN KIỂM TOÁN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

RESEARCH OF FACTORS AFFECTING THE OUTPUT QUALITY OF ACCOUNTING AND AUDITING STUDENTS AT UNIVERSITIES IN HANOI CITY

Lê Minh Huệ^{1,*}, Ninh Thị Hằng¹, Nguyễn Thị Tố Uyên¹,
Bùi Thị Ngọc Anh¹, Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh¹, Lê Kim Ngọc²

DOI: <https://doi.org/10.57001/huih5804.2024.074>

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sinh viên kế toán kiểm toán tại các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phương pháp sử dụng là nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu định lượng. Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được lấy từ mẫu khảo sát gồm 323 cựu sinh viên Kế toán - Kiểm toán theo học ở các trường đại học tại Hà Nội. Bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) và phân tích hồi quy, tương quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 9 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán bao gồm: Chương trình đào tạo, Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất, Mạng lưới liên kết, Điều kiện gia đình, Năng lực sinh viên, Thái độ sinh viên, Mức độ lan tỏa của phương tiện truyền thông và Các nhân tố khác. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên kế toán kiểm toán nói riêng và sinh viên các ngành trong nền kinh tế nói chung.

Từ khóa: Chất lượng đầu ra; giáo dục đại học; sinh viên kế toán kiểm toán.

ABSTRACT

This study determines the factors affecting the output quality of accounting and auditing students at university in Hanoi city. The method used is qualitative research combined with quantitative research. Data for the research was taken from a survey sample of 323 alumni of Accounting and Auditing at universities in Hanoi. The study used Cronbach's Alpha test methods, Exploratory factor analysis (EFA), confirmatory factor analysis (CFA), structural equation modeling analysis (SEM), regression and correlation analysis. Research results show that there are 9 factors affecting the output quality of Accounting and Auditing students, including: training program, teaching staff, facilities, affiliate network, family conditions, students' ability, students attitude, media coverage and other factors. Therefore, the study proposed some recommendations to improve the output quality of accounting and auditing students in particular and students of other disciplines in general.

Keywords: Accounting and auditing students; output quality; university education.

¹Sinh viên Trường Đại học kinh tế quốc dân

²Giảng viên Trường Đại học kinh tế quốc dân

*Email: leminhhue26012002@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/8/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 17/9/2023

Ngày chấp nhận đăng: 25/02/2024

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đầu ra của sinh viên là vấn đề rất được quan tâm đối với các nhà tuyển dụng và với các trường đại học cung cấp dịch vụ đào tạo. Việc nghiên cứu chất lượng đầu ra của sinh viên không chỉ giúp nhà trường đưa ra được những phương án phù hợp nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn phần nào giúp doanh nghiệp hình dung được chất lượng đầu vào lao động trong lĩnh vực mà mình đang hoạt động và định hướng phát triển. Đối với giáo dục đào tạo Kế toán - Kiểm toán, mặc dù trong nhiều năm qua đã có những bước phát triển vượt bậc như sự gia tăng không ngừng của cơ sở đào tạo, sự đa dạng hóa các loại hình Kế toán - Kiểm toán. Tuy nhiên, đi liền với đó, chất lượng đầu ra Kế toán - Kiểm toán bị đánh giá chưa thực sự đảm bảo, tỷ lệ sinh viên Kế toán - Kiểm toán tốt nghiệp không đạt yêu cầu mà doanh nghiệp để ra chiếm khá cao. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán có ý nghĩa lớn đối với lĩnh vực giáo dục tài chính và thị trường lao động hiện nay. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng và đo lường mức độ tác động của từng nhân tố đối với chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm cải thiện chất lượng đầu ra tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Tổng quan các nghiên cứu về chất lượng đầu ra của sinh viên

Trong giáo dục, đầu ra để cập đến thành tích của học sinh, sinh viên về chất lượng của các bằng cấp hoặc chứng chỉ được trao; kỹ năng, thái độ và kiến thức đạt được; kỳ vọng của xã hội (Iroegbu và Eno, 2020). Đầu ra của sinh viên bị ảnh hưởng rất nhiều bởi môi trường, nội dung và quá trình mà người học gặp phải trong khi học tập ở trường học, dẫn đến các kết quả đa dạng.

Harvey và Green (1993), Church (1998) đưa ra các tiêu chí đo lường chất lượng đầu ra sinh viên bao gồm: (1) kết quả

học tập và rèn luyện của sinh viên; (2) tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm phù hợp sau khi ra trường; (3) tỷ lệ sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng hòa nhập với công việc, hoàn thành tốt công việc và có khả năng được nâng cấp bậc, được tăng lương. Baumert và Kunter (2013) cho rằng: nâng cao chất lượng đầu ra của sinh viên, ngoài kiến thức là điều kiện thiết yếu để sinh viên có thể hoàn thành tốt các công việc được giao thì kỹ năng nghề nghiệp cũng là công cụ quan trọng góp phần giúp sinh viên tự tin và nhanh chóng thích ứng với các vị trí công việc sau khi ra trường.

Năm 2013, Trương Văn Thanh đã đưa ra mô hình đánh giá chất lượng đầu ra sinh viên chuyên ngành sư phạm dưới hai góc nhìn khác nhau từ phía nhà tuyển dụng và từ phía cựu sinh viên. Thứ nhất, theo ý kiến của nhà tuyển dụng, chất lượng đầu ra sinh viên được đánh giá thông qua các tiêu chí như: Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; Năng lực tìm hiểu; Năng lực nghề nghiệp và Khả năng phát triển nghề nghiệp. Còn theo ý kiến đánh giá của cựu sinh viên, tác giả xét các tiêu chí bao gồm: Phẩm chất nghề nghiệp; Kiến thức; Kỹ năng chuyên môn; Năng lực nghề nghiệp và tiềm năng phát triển nghề.

Theo tổng quan tài liệu có thể thấy có rất nhiều quan niệm và các tiêu chí về đo lường chất lượng đầu ra sinh viên. Tuy nhiên, xét trong phạm vi nghiên cứu, nhóm đánh giá thông qua hai tiêu chí: (1) Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; (2) Niềm tin và ý thức nghề nghiệp.

2.1.2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của sinh viên

Các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sinh viên được tác giả tổng hợp lại trong bảng 1.

Bảng 1. Bảng tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sinh viên

STT	Nhóm nhân tố	Tài liệu tham khảo
1	Chương trình đào tạo	Harvey và Green (1993); Browne và cộng sự (1988); Abdullah (2006); Nguyễn Thanh Sơn (2014); Nguyễn Thu Hương (2014); Hoàng Thị Mỹ Nga (2016); Vũ Quảng (2020)
2	Cơ sở vật chất	Heyneman (2001); Chen và cộng sự (2007); Hauptman (2006); Mohamed và cộng sự (2018); Nguyễn Thành Long (2006); Trần Dương Quốc Hòa (2016); Võ Văn Việt và Đặng Thu Phương (2017)
3	Đội ngũ giảng viên	Wenglinsky (1997); Snipes và Thomson (1999) Burstall (1970); Hayward (2006); Alos và cộng sự (2015); Đinh Thị Minh Tuyết (2010); Nguyễn Mạnh Dũng và Nguyễn Văn Thiên (2013); Doãn Thị Mai Hương (2017)
4	Mạng lưới liên kết	Lagrosen (2004); Jain (2013); Phạm Thị Thùy Trang và cộng sự (2019); Nguyễn Huy Khang (2022)
5	Điều kiện gia đình	Harmon và Walker (2000); Chevalier và Lanot (2001); Alam (2014); Kudari (2016); Võ Văn Việt và Đặng Thu Phương (2017)

6	Năng lực và thái độ của bản thân sinh viên	Soelasih và Suhaily (2015); Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016); Võ Văn Việt và Đặng Thị Thu Phương (2017)
7	Mức độ lan tỏa của phương tiện truyền thông	Christopher và cộng sự (2012); Ibis M.Alvarez và Marialexa Olivera-Smith (2013); Kristin Sherman (2013); Trịnh Thị Hoa Mai (2008)
8	Các nhân tố khác	Abdullah (2006); Lê Ngọc Thắng (2017); Nguyễn Như Nguyệt, Phạm Thị Cẩm Vân và Nguyễn Thị Hưng (2020); Trần Thị Thanh Thanh (2020)

Nguồn: Tổng hợp từ nhóm tác giả

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Chất lượng và chất lượng giáo dục đại học

2.2.1.1. Chất lượng và chất lượng dịch vụ

Chất lượng là một phạm trù rộng, phản ánh tổng hợp nội dung cả về kinh tế, xã hội và kỹ thuật, là một phạm trù phức tạp với nhiều định nghĩa khác nhau. Định nghĩa chất lượng theo ISO (Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế): “Chất lượng là sự thích ứng và phù hợp với các yêu cầu mà tiêu chuẩn đặt ra. Nói cách khác, chất lượng là mức độ hoàn hảo của một quy trình, dịch vụ hoặc sản phẩm.”

Parasuraman và cộng sự (1988) chỉ ra rằng chất lượng là mức độ khác nhau giữa sự mong đợi của người tiêu dùng về dịch vụ và nhận thức của họ về kết quả của dịch vụ, là sự thỏa mãn của khách hàng được đo lường bằng hiệu số giữa chất lượng mong đợi với chất lượng đạt được. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được đo lường bằng sự phù hợp của nó với các thông số hay các quy định được đặt ra trước đó.

2.2.1.2. Chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục đại học

Theo quan điểm của Cuthbert (1996), chất lượng giáo dục đại học (GDĐH) được thể hiện thông qua tất cả các đặc điểm của GDĐH, nó vô hình và không thống nhất, đáp ứng tiêu chí không thể tách rời do được sản xuất và tiêu thụ một cách đồng thời.

Xét về góc độ tổng thể, Đoàn Văn Dũng (2015) cho rằng: “Chất lượng giáo dục đại học là tổng thể những kiến thức, kỹ năng, thái độ được tạo nên thông qua đào tạo đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của quốc gia ở mỗi thời kỳ, đảm bảo đáp ứng mong đợi và sự kỳ vọng của đối tượng liên quan, cộng đồng xã hội về tâm lực, thể lực, trí lực của nguồn nhân lực đại học”.

Trong văn bản hợp nhất Quyết định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014b, tr1) nhận định: “Chất lượng giáo dục trường đại học là sự đáp ứng mục tiêu do nhà trường đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục đại học của Luật giáo dục, phù hợp với đào tạo yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước”. Đối với người sử dụng lao động, chất lượng GDĐH được đánh giá thông qua chất lượng đầu ra sinh viên. Điều này được thể hiện thông qua năng lực, trình độ và kiến thức của sinh viên. Việc sinh viên đáp ứng được bao nhiêu yêu cầu công việc so với mong đợi

của nhà tuyển dụng chính là thước đo để cho thấy sự hài lòng của người sử dụng lao động (Huỳnh Thị Trang, 2019).

Việc nâng cao chất lượng GDĐH có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia trong quá trình hội nhập tri thức. Chất lượng GDĐH là nền tảng quan trọng giúp sinh viên có được kiến thức, kỹ năng quan trọng nhằm phục vụ cho việc học tập và công việc sau này.

2.2.2. Chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán

2.2.2.1. Khái niệm Chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán

Đối với các trường Đại học nói chung, chất lượng đầu ra của sinh viên luôn giữ một vai trò quan trọng nhằm đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng giảng dạy, và từ đó có thể đánh giá được vị thế của chính ngôi trường Đại học đó. Sự phát triển của một quốc gia về mặt kinh tế và xã hội gắn liền với chất lượng đầu ra của sinh viên.

Mỗi quốc gia đều luôn nỗ lực nâng cao chất lượng đầu ra sinh viên, bởi nó có vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, giúp đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cho đất nước. Về chất lượng đầu ra của sinh viên, có rất nhiều những khái niệm và các cách giải thích khác nhau được đưa ra. Xét về góc độ tổng thể, Vũ Quảng (2020) đưa ra cái nhìn chung nhất về chất lượng đầu ra sinh viên: *“Chất lượng đầu ra sinh viên là tổng thể những kiến thức, kỹ năng, thái độ được tạo nên thông qua đào tạo đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của quốc gia ở mỗi thời kỳ, đảm bảo và đáp ứng được sự kỳ vọng, mong đợi của đối tượng liên quan, cộng đồng xã hội về tâm lực, trí lực, thể lực của nguồn nhân lực đại học”*.

Với đặc trưng của ngành kế toán, kiểm toán, các mục tiêu, chương trình đào tạo và yêu cầu đầu ra cũng có những điểm khác biệt so với các ngành nghề khác. Xét trên góc độ đó, nhóm tác giả xin đưa ra khái niệm về chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán kiểm toán như sau: *“Chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán là kết quả học tập toàn khóa; chất lượng của bằng cấp và chứng chỉ nhận được; kiến thức chuyên môn, kỹ năng mà sinh viên Kế toán - Kiểm toán có được sau quá trình học tập và tham gia vào các hoạt động trong và ngoài trường, phù hợp với yêu cầu, kỳ vọng của những cá nhân, tổ chức tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực, cộng đồng xã hội về chất lượng của nguồn nhân lực Đại học”*.

2.2.2.2. Các yếu tố cấu thành chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán

Chất lượng đầu ra sinh viên phản ánh hiện thực quá trình đào tạo của nhà trường, đặc biệt trong giai đoạn cạnh tranh toàn cầu, các trường đại học đã và đang đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng cạnh tranh và đủ năng lực tham gia vào thị trường quốc tế (Phan Thị Yến, 2022). Việc đánh giá chất lượng đầu ra của sinh viên có thể được thực hiện thông qua các hoạt động tự đánh giá của sinh viên, của giảng viên hoặc của người sử dụng lao động. Trường Đại học ASEAN (AUN - QA) có đưa ra tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo đại học, được đo lường qua các tiêu

chí sau: tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường; tỷ lệ sinh viên nghỉ học, thôi học; thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp và mức độ đáp ứng nhu cầu của các cơ quan tuyển dụng lao động.

Như vậy, có thể xác định được các yếu tố cấu thành nên chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán tại các trường đại học bao gồm: (1) Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp (KN); (2) Niềm tin và ý thức nghề nghiệp (YT).

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài nghiên cứu là các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội. Đề tài hướng tới đối tượng khảo sát là giảng viên và cựu sinh viên kế toán, kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

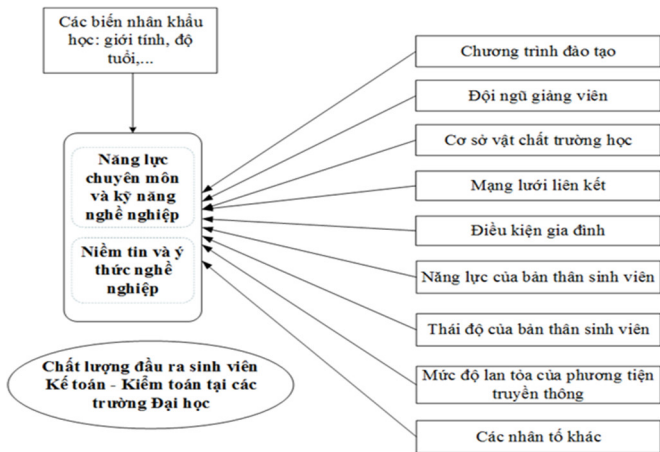
Bài nghiên cứu được nhóm thực hiện kết hợp hai phương pháp là nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng: Nghiên cứu định tính: được thực hiện thông qua việc phỏng vấn chuyên sâu đối với 15 đối tượng nghiên cứu là giảng viên đang giảng dạy các bộ môn liên quan đến chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán tại một số trường Đại học trên địa bàn Hà Nội để hoàn thiện các thang đo và bảng hỏi khảo sát tương ứng với 62 biến quan sát. Nghiên cứu định lượng được thực hiện nhiều bước từ thiết kế thang đo, khảo sát thông qua bảng hỏi đến việc phân tích dữ liệu thu được dưới nhiều hình thức kiểm định như: phương pháp độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, Phân tích phương sai ANOVA, Kiểm định Independent Sample T-Test, Phân tích tương quan, hồi quy và kiểm định giả thuyết. Việc chạy dữ liệu được nhóm thực hiện trên phần mềm SPSS.

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả đề xuất xác định có 9 nhân tố ảnh hưởng đến 2 biến phụ thuộc Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp (KN); Niềm tin và ý thức nghề nghiệp (YT) bao gồm: Chương trình đào tạo (CTDT); Đội ngũ giảng viên (GV); Cơ sở vật chất trường học (CSV); Mạng lưới liên kết (LK); Điều kiện gia đình (GD); Năng lực của bản thân sinh viên (NL); Thái độ của bản thân sinh viên (TD); Mức độ lan tỏa của phương tiện truyền thông (PTTT) và cuối cùng là Các nhân tố khác (NTK).

Phương pháp thu thập số liệu được thực hiện thông qua việc khảo sát, đối tượng khảo sát là giảng viên và cựu sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội về các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán tại địa bàn Hà Nội. Nhóm nghiên cứu tiến hành phát ra 350 phiếu và thu được 342 phiếu. Sau khi tiến hành kiểm tra, nhóm nghiên cứu nhận thấy có 323 phiếu hợp lệ được chính thức sử dụng để đưa vào phân tích số liệu.

3.3. Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu nhóm tác giả đề xuất như được thể hiện trong hình 1.



Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thực trạng đầu ra Kế toán - Kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội

Tại Hà Nội, việc đào tạo Kế toán - Kiểm toán phát triển mạnh mẽ với nhiều cơ sở, nhiều hình thức đào tạo khác nhau. Tính đến tháng 7/2020, theo số liệu nghiên cứu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên địa bàn Hà Nội có khoảng hơn 30 cơ sở đào tạo đại học có đăng ký ngành Kế toán với nhiều chuyên ngành khác nhau. Kết quả của việc gia tăng mạnh mẽ số lượng các cơ sở đào tạo kế toán kiểm toán đã góp phần đưa Kế toán, Kiểm toán trở thành những ngành cung cấp nguồn lực dồi dào trong thị trường lao động.

Đi kèm với sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng các cơ sở đào tạo, thì chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội cũng ngày một cải thiện với tỷ lệ sinh viên có việc làm/Tổng số sinh viên tốt nghiệp khá cao chẳng hạn như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân với ngành Kế toán là 81,69% (2021), Học viện Tài chính là 90,87% (2021),... Qua khảo sát, tổng hợp dữ liệu, nhóm tác giả đưa ra kết quả nghiên cứu về chất lượng đầu ra của sinh viên kế toán, kiểm toán với hai biến phụ thuộc: Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; Niềm tin và ý thức nghề nghiệp. Dựa trên quan điểm của cựu sinh viên về Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp có thể thấy, hầu hết các sinh viên sau khi ra trường chưa thể đáp ứng được hết các yêu cầu do doanh nghiệp đề ra. Về Niềm tin và ý thức nghề nghiệp, theo khảo sát các cựu sinh viên đều cho rằng, sinh viên Kế toán - Kiểm toán có ý thức nghề nghiệp rất cao, hầu hết các chỉ tiêu như ý thức tự học, tự trau dồi; ý thức chịu trách nhiệm đa phần được đánh giá ở mức độ “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”; đặc biệt đối với chỉ tiêu “Sinh viên có ý thức tuân thủ các chuẩn mực kế toán đã được ban hành”, mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng ý đạt 93,19%. Tuy nhiên, chỉ tiêu “Sinh viên có niềm tin theo đuổi ngành nghề” lại không được đánh giá cao, điều này có thể lý giải cho việc, hiện nay rất nhiều sinh viên Kế toán - Kiểm toán sau khi ra trường làm trái ngành. Cùng quan điểm, các nhà tuyển dụng cho rằng, hầu hết sinh viên Kế toán - Kiểm toán tốt nghiệp chưa thể đáp ứng hết các yêu cầu do doanh nghiệp đề ra. Điều này cần sự quan

tâm lớn và nỗ lực không ngừng nghỉ của mỗi quốc gia, nhà trường, gia đình và đặc biệt là bản thân mỗi sinh viên.

4.2. Kiểm định thang đo

Kiểm định thang đo về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội được thực hiện bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích EFA. Kết quả kiểm cho thấy, đa phần các nhân tố đều có hệ số Cronbach's định Alpha lớn hơn 0,8 và hệ số tương quan biến tổng của các thang đo đều lớn hơn 0,3. Sau khi loại trừ 3 biến quan sát bao gồm: GV5, GV6 và NL3, còn lại 59 biến quan sát đều đạt độ tin cậy, được sử dụng để phân tích EFA.

Phân tích EFA được thực hiện với phương pháp trích nhân tố được sử dụng là “Principal Component Analysis” và phép xoay “Varimax”, kết quả phân tích có 49 biến quan sát của thang đo các biến độc lập đạt được kiểm định KMO = 0,818, kiểm định Bartlett's Test có Sig. = 0,000; số lượng các nhân tố trích được là 9, tương đồng với mô hình lý thuyết ban đầu xây dựng, tổng phương sai trích đạt 62,237%, hầu hết các biến quan sát đều có giá trị Factor Loading > 0, và chỉ có biến quan sát NTK 6 không đạt tiêu chuẩn. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu đạt giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Thực hiện phân tích EFA của biến phụ thuộc, hệ số KMO = 0,879 và Kiểm định Bartlett's Test có Sig. = 0,000 thích hợp với các dữ liệu. Đa phần các biến quan sát đều có hệ số Factor Loading > 0,6 và chỉ có biến KN5 không đạt tiêu chuẩn, phương sai trích đạt 64,128%. Vì vậy, các biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu đạt giá trị hội tụ và giá trị phân biệt.

4.3. Kiểm định giá trị trung bình

Bài nghiên cứu tiến hành kiểm định trung bình biến phân nhóm cựu sinh viên sử dụng phương pháp kiểm định 2 mẫu độc lập (T-test). Qua phân tích cho thấy, kết quả giá trị P-value ở kiểm định Levene đối với các biến phụ thuộc KN và YT lần lượt nhận giá trị là 0,026 và 0,761, chứng tỏ phương sai mẫu đối với biến phụ thuộc KN là khác nhau (< 0,05) và phương sai mẫu đối với biến phụ thuộc YT là không khác nhau (> 0,05). Kiểm định T thu được giá trị p-value đối với các biến phụ thuộc KN và YT lần lượt là 0,149 và 0,783 (> 0,05) cho thấy các nhóm cựu sinh viên không ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán dưới góc độ KN và YT.

4.4. Phân tích tương quan

Phân tích tương quan cho kết quả, đa phần giữa các biến phụ thuộc với các biến độc lập có mối quan hệ tương quan tuyến tính với nhau (P_value < 0,05), nhưng vẫn còn một số biến độc lập không có mối quan hệ với nhau (P_value > 0,05) như: mối quan hệ giữa biến GD với 2 biến LK và NTK; mối quan hệ giữa 2 biến GV với PTTT. Bên cạnh đó, hệ số Pearson giữa các biến đều mang dấu dương điều này thể hiện được mối quan hệ thuận chiều tức là nếu các biến độc lập tăng giá trị thì giá trị của các biến phụ thuộc cũng tăng.

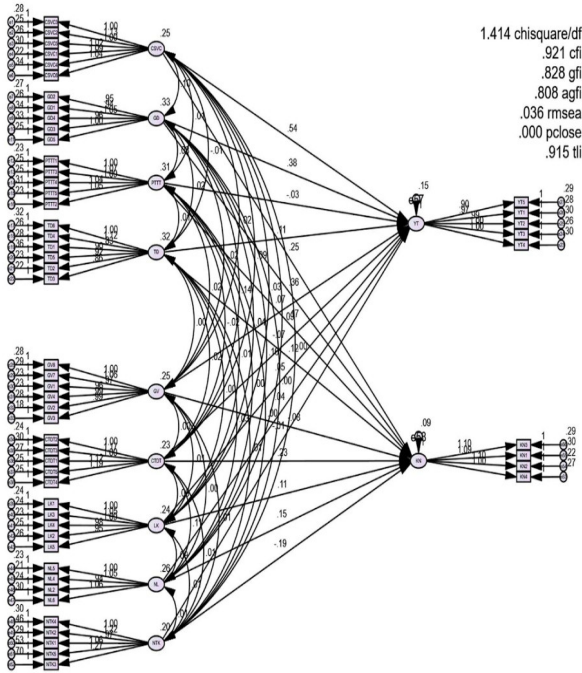
4.5. Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả phân tích CFA về các điều kiện đều được đảm bảo như sau: Chỉ số Chi-square/df = 1,402 ≤ 3 với p ≤ 0,05;

GFI = 0,828 > 0,8; TLI và CFI ≥ 0,9 và RMSEA = 0,035 ≤ 0,05. Như vậy mô hình được xem là phù hợp tốt.

4.6. Phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính

Kết quả phân tích cho thấy các hệ số trong mô hình SEM thỏa mãn điều kiện: CMIN/df = 1,414 < 0,2; GFI = 0,828 > 0,8; TLI, CFI ≥ 0,9 và RMSEA = 0,036 ≤ 0,05. Do vậy, mô hình được xem là phù hợp.



Nguồn: Số liệu nhóm nghiên cứu

Hình 2. Kết quả phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng đầu ra của sinh viên Kế toán - Kiểm toán

Hình 2 cho thấy các biến quan sát trong mô hình đều có giá trị trọng số > 0,5, do vậy các thang đo đạt giá trị hội tụ. Theo như bảng 2, cả 09 nhân tố tác động tới biến phụ thuộc KN. Theo bảng 2 thì ảnh hưởng của nhân tố CTDĐT ảnh hưởng đến KN là mạnh nhất (0,327), tiếp đến là GV (0,284), NL (0,249), TD (0,224), CSVC (0,146), LK (0,108), GD (0,088), PTTT (0,085) và cuối cùng là NTK (0,056). Có 06 nhân tố tác động đến biến phụ thuộc YT là GD, TD, GV, CTDĐT, LK và NTK. Mức độ tác động của nhân tố GV đến biến phụ thuộc YT là mạnh nhất (0,374), tiếp đến lần lượt là TD (0,311), CTDĐT (0,272), GD (0,176), NL (0,136) và cuối cùng là LK (0,085).

Bảng 2. Kết quả ước lượng mối quan hệ giữa các nhân tố

Mối quan hệ	Ước lượng	Độ lệch chuẩn	C.R.	P
YT ← CSVC	0,154	0,181	1,703	0,376
YT ← GD	0,176	0,048	4,675	0,012
YT ← PTTT	-0,025	0,084	-1,469	0,639
YT ← TD	0,311	0,083	6,087	***
YT ← GV	0,374	0,159	6,248	***

YT ← CTDĐT	0,272	0,064	5,851	***
YT ← LK	0,085	0,028	2,802	0,023
YT ← NL	0,136	0,037	3,412	0,026
YT ← NTK	-0,113	0,169	-1,187	0,552
KN ← CSVC	0,146	0,076	1,183	***
KN ← GD	0,088	0,056	1,204	0,013
KN ← PTTT	0,085	0,047	0,834	0,034
KN ← TD	0,224	0,085	1,732	***
KN ← GV	0,284	0,105	3,677	***
KN ← CTDĐT	0,327	0,173	5,241	***
KN ← LK	0,108	0,058	1,146	0,025
KN ← NL	0,249	0,095	2,991	***
KN ← NTK	0,056	0,041	0,827	0,002

Nguồn: Số liệu nhóm nghiên cứu

4.7. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát cho thấy Chương trình đào tạo là một nhân tố quan trọng, ảnh hưởng sâu sắc đến năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên sau này. Kết quả này được lý giải thông qua việc các chương trình đào tạo Kế toán - Kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội đã đưa ra được mục tiêu, định hướng cụ thể trong quá trình đào tạo của mình. Kết quả nghiên cứu này có sự tương đồng với nghiên cứu của các tác giả Browne và cộng sự (1998), Abdullah (2006); Võ Văn Việt (2017); Weerasinghe & Fernando (2018). Các bài nghiên cứu này cho rằng chương trình đào tạo tác động đến chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp hay Vũ Quảng (2020) cho rằng nhân tố Chương trình đào tạo là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra sinh viên.

Về biến Cơ sở vật chất, qua nghiên cứu cho thấy có tác động thuận chiều đến Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Tuy nhiên nhân tố CSVC lại không có ý nghĩa thống kê đối với niềm tin và ý thức nghề nghiệp trong phạm vi nghiên cứu. Một số nghiên cứu cũng có sự tương đồng về kết quả nghiên cứu này như Karna và Julin (2015); Võ Văn Việt và Đặng Thu Phương (2017). Các nghiên cứu này cho rằng cơ sở vật chất có ảnh hưởng đến tinh thần học tập qua đó ảnh hưởng đến chất lượng kết quả học tập của sinh viên.

Nhân tố Đội ngũ giảng viên có ý nghĩa thống kê trong phạm vi nghiên cứu đối với 2 biến: năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, niềm tin và ý thức nghề nghiệp. Điều này cho thấy nhân tố Đội ngũ giảng viên đóng vai trò chủ chốt trong việc đào tạo chất lượng đầu ra sinh viên kế toán, kiểm toán. Kết quả có sự tương đồng với các nghiên cứu của Karna và Julin (2015), Vũ Quảng (2020).

Nhân tố mạng lưới liên kết ảnh hưởng thuận chiều đến chất lượng đầu ra của sinh viên kế toán, kiểm toán thông qua hai biến phụ thuộc. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với một số nghiên cứu của Trịnh Thị Hoa Mai (2008), Nguyễn Huy Khang (2022),... Các nghiên cứu này đều cho rằng việc liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp mang lại nhiều lợi ích nhằm nâng cao chất lượng đầu ra sinh viên.

Nhân tố điều kiện gia đình có tác động thuận chiều đến Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, Niềm tin và ý thức nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với các nghiên cứu của Martha (2009); Alam và cộng sự (2014); Kudari (2016). Trong nghiên cứu của Harmon & Walker (2000) cho rằng, thu nhập của gia đình, nghề nghiệp, trình độ học vấn của phụ huynh tác động thuận chiều đến kết quả học tập của sinh viên.

Về năng lực sinh viên, nhân tố tác động thuận chiều đến biến phụ thuộc, ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sinh viên kế toán, kiểm toán. Thực tế cho thấy những sinh viên có khả năng đạt các thành tích tốt trong quá trình học của mình dễ dàng có nhiều cơ hội việc làm hơn. Một số nghiên cứu cũng khẳng định được mức độ tác động của năng lực của sinh viên đối với chất lượng đầu ra sinh viên như Nguyễn Thị Thu An và cộng sự (2016); Võ Văn Việt và Đặng Thị Thu Phương (2017).

Nhân tố Thái độ của sinh viên tác động thuận chiều đến cả hai biến phụ thuộc. Kết quả cho thấy nhân tố Thái độ của sinh viên là một trong những nhân tố ở mức độ tác động khá mạnh đối với chất lượng đầu ra sinh viên. Kết quả nghiên cứu là tương đồng với kết quả thu được từ nghiên cứu của Soelasih và Suhaily (2015); Nguyễn Thị Ngọc Diệp (2021).

Nhân tố Mức độ lan tỏa của phương tiện truyền thông tác động thuận chiều đến năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp ở cả hai mô hình và không có ý nghĩa thống kê đối với niềm tin và ý thức nghề nghiệp trong phạm vi khảo sát. Qua nghiên cứu có thể thấy, việc sinh viên tiếp cận nhiều với phương tiện truyền thông không ảnh hưởng nhiều đến năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. Một số nghiên cứu có kết quả tương đồng với bài nghiên cứu như Christopher và cộng sự (2012); Lê Thị Thanh Hà (2017).

5. KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với các trường đại học đào tạo Kế toán - Kiểm toán cần: (i) xây dựng, hoàn thiện chương trình đào tạo vừa để đảm bảo mục tiêu đã đặt ra của môn học, ngành học, vừa phù hợp với sinh viên và nhu cầu lao động của thị trường; (ii) đảm bảo cơ sở vật chất tạo điều kiện tốt nhất cho người học trên giảng đường; (iii) nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đào tạo Kế toán - Kiểm toán bằng việc thu hút nhân tài phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; (iv) mở rộng mạng lưới liên kết chuyên ngành, liên ngành đối với các cá nhân, tổ chức để nâng cao chất lượng đầu ra cho sinh viên.

Thứ hai, đối với sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán, để tự nâng cao kiến thức, kỹ năng và đảm bảo đầu ra tốt nhất cho bản thân sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên cần: (i) đặt mục tiêu và kế hoạch học tập cụ thể; (ii) có chế độ sinh hoạt, học tập, làm việc khoa học; (iii) hoàn thành đầy đủ việc học tập trên lớp và bổ sung kiến thức chuyên ngành từ nhiều nguồn; (iv) chủ động sáng tạo tìm ra phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp với bản thân; (v) tham gia các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ rèn luyện thêm các kỹ năng; (vi) thường xuyên cập nhật các xu hướng mới, các quy định của ngành; (vi) mở rộng mối quan hệ của bản thân và tự tạo cơ hội học hỏi cho mình.

Thứ ba, đối với các doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên Kế toán - Kiểm toán làm việc: (i) tạo điều kiện cho sinh viên được thực tập, làm việc và có cơ hội tiếp cận với các công việc trong ngành một cách thuận lợi; (ii) kết hợp sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại để nâng cao năng suất công việc cũng như kỹ năng tiếp cận công nghệ số của người lao động; (iii) đề ra các yêu cầu công việc phù hợp với các chuẩn mực, chế độ, quy định của ngành Kế toán - Kiểm toán; (iv) tạo môi trường làm việc lành mạnh, chuyên nghiệp cho người lao động; (v) thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo thêm cho các lao động chưa lành nghề; (vi) mở rộng liên kết với các trường đại học để thu hút nhân tài và trích một số nguồn hỗ trợ tạo động lực cho sinh viên học tập.

Thứ tư, đối với gia đình, truyền thông đại chúng và một số nhân tố khác ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sinh viên kế toán kiểm toán: (i) *Về phía gia đình*: nên thường xuyên quan tâm, động viên sinh viên trong quá trình học tập, định hướng việc học tập và làm việc hợp lý cho sinh viên, can thiệp kịp thời để điều chỉnh nhận thức, hành vi của sinh viên về đạo đức nghề nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận các kỹ năng cần thiết ngoài trường lớp; (ii) *Về các phương tiện truyền thông*: truyền tải nội dung một cách khách quan, trung thực, cập nhật chính xác các điều luật, quy định của ngành Kế toán - Kiểm toán; (iii) *Về áp lực từ bạn bè và xã hội*: cần được gia đình, nhà trường, cộng đồng và chính bản thân sinh viên quan tâm nhiều hơn, tránh những ảnh hưởng tiêu cực và hướng tới những tác động tích cực để biến áp lực thành động lực cho sinh viên; (iv) *Về các dịch vụ gia tăng, nhà trường cần*: thường xuyên theo dõi, cải thiện cơ sở vật chất, dịch vụ và hình thành các bộ phận tư vấn, định hướng, giải đáp thắc mắc cho sinh viên để kịp thời giúp đỡ và tháo gỡ được các vấn đề khó khăn mà sinh viên gặp phải ở cả trong và ngoài giảng đường.

6. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã kiểm định thang đo những nhân tố có ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán địa bàn Hà Nội thông qua phỏng vấn chuyên gia, khảo sát ý kiến giảng viên, cựu sinh viên Kế toán - Kiểm toán tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội và phân tích định lượng. Sau khi phân tích, nghiên cứu, nhóm tác giả kết luận, các kết quả sau nghiên cứu cũng đã chỉ ra: (i) 09 nhân tố tác động đến biến phụ thuộc Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp bao gồm: cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng

viên, mạng lưới liên kết, điều kiện gia đình, năng lực của sinh viên, thái độ của sinh viên, phương tiện truyền thông, nhân tố khác; (ii) 06 nhân tố tác động đến biến phụ thuộc niềm tin và ý thức nghề nghiệp bao gồm: cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, mạng lưới liên kết, điều kiện gia đình và thái độ của sinh viên.

Các thành phần của thang đo là cơ sở cho giải pháp nâng cao, cải thiện chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội. Theo kết quả phân tích, nhóm nghiên cứu đã đi đến kết luận các nhân tố đều có những ảnh hưởng tích cực tới chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội. Nhóm nghiên cứu mong rằng những kết quả phân tích trên có thể góp phần hỗ trợ các đối tượng liên quan trong việc nâng cao chất lượng đầu ra sinh viên Kế toán - Kiểm toán trên địa bàn Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abdullah (2006). The development of HEdPERF: a new measuring instrument of service quality for the higher education. *International Journal of Consumer Studies*, 30(6), 569-581.

Ali Abdi Mohamed, Abdulkadir Mohamud Dahie, & Abdi Abshir Warsame (2018). Factors Affecting Student Academic Performance: Case Study from University of Somalia in Mogadishu-Somalia. *IOSR Journal of Humanities and Social Science (IOSR-JHSS)*, Volume 23, Issue 3, 73-80.

Baumert J., & Kunter M. (2013). *The COACTIV Model of Teachers' Professional Competence*. In: Kunter M., Baumert J., Blum W., Klusmann U., Krauss S., Neubrand M. (eds) *Cognitive Activation in the Mathematics Classroom and Professional Competence of Teachers*, Mathematics Teacher Education, Vol 8. Springer, Boston, MA.

Huynh Thi Trang (2018). Factors affecting employer satisfaction on the quality of Information Science graduates in Can Tho University. *CTU Journal of Science*, 55(1C), 89-99.

Karna, S., & Julin, P. (2015). A framework for measuring student and staff satisfaction with university campus facilities. *Quality Assurance in Education*, 23(1), 47-61.

Le Ngoc Thang (2017). Reassessment of HEdPERF scale in using this scale to measure higher educational service quality in Vietnam - an empirical research at Banking University Ho Chi Minh City. *Banking Technology Review*, 130 & 131, 84-105.

Nguyen Thi Thu An, Nguyen Thi Ngoc Thu, Dinh Thi Kieu Oanh, & Nguyen Van Thanh (2016). Determinants of academic performance for undergraduate freshmen or sophomore students in Can Tho University of Technology. *CTU Journal of Science*, 46, 82-89, DOI 10.22144/ctu.jvn.2016.560.

O'Neill, & Palmer (2004). Importance-performance analysis: a useful tool for directing continuous quality improvement in higher education. *Quality Assurance in Education*, 1(1), 39-52.

Parasuraman, A., Zeithaml, V.A., & Berry, L.L. (1988). SERVQUAL: A multiple item scale for measuring customer perceptions of service quality. *Journal of Retailing*, 64, 12-40.

Suhaily, & Soelasih (2015). Factors affecting student achievement in faculty of economics "X" university. *Journal The WINNERS*, 16(1), 25-35.

Trinh Thi Hoa Mai (2008). Education association between universities and enterprises in Vietnam. *VNU Journal of Economics and Business*, 24, 30-34.

Vo Van Viet, & Dang Thu Phuong (2017). Factors Influencing the Academic Performance of the Students. *VNU Journal of Science: Education Research*, 33(3), 27-34.

Vu Quang (2020). *A study of factors affecting student outcomes in Vietnamese pedagogical tertiary institutions. Doctoral Thesis*, National Economics University, Hanoi.

AUTHORS INFORMATION

**Le Minh Hue¹, Ninh Thi Hang¹, Nguyen Thi To Uyen¹,
Bui Thi Ngoc Anh¹, Nguyen Ngoc Quynh Anh¹, Le Kim Ngoc²**

¹Student, National Economics University, Vietnam

²Lecturer, National Economics University, Vietnam